

## KINH TỖ NI MÃU QUYỂN 7

Phạm tội gồm có ba loại: một là nhân duyên phạm tội lần đầu, hai là do vi phạm nên chế giới, ba là chế giới thêm.

Thế nào gọi là nhân duyên?

Bấy giờ, đức Thế Tôn đang giáo hóa ở nước Tu-lại-tra. Tu-đề-na là con ông Ca-lan-đà, vì muốn có con nối dõi nên đã khởi lòng dục, hành dâm với vợ cũ. Do sự vi phạm đầu tiên này, Phật tập hợp các Tỳ-kheo. Đó gọi là nhân duyên.

Thế nào gọi là chế giới?

- Nếu Tỳ-kheo làm việc phi phạm hạnh, cho đến cùng với súc sanh thì phạm Ba-la-di, không được sống chung. Đó gọi là chế giới.

Thế nào là chế thêm?

Lúc ấy, Thế Tôn ở nước Tỳ-lê-kỳ, có một người thuộc họ Tỳ-lê-kỳ xuất gia. Về sau, vị ấy không vui với đạo, thường nghĩ về việc dâm dục nên trở về nhà hành dâm với người vợ cũ. Sau khi hành dâm xong, vị ấy liền hối hận nên về chùa nói với các Tỳ-kheo về việc đã vi phạm. Nghe xong, các Tỳ-kheo đến bạch với Thế Tôn. Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Vừa “đưa vào” liền phạm Ba-la-di.

Như trường hợp Tỳ-kheo khát thực trong khu rừng ở Tỳ-xá-ly, đó là chế thêm.

Khi đó, tôn giả Ưu-ba-ly từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục, đánh lễ sát chân Phật, quỳ xuống, chấp tay bạch Phật:

- Bạch đức Thế Tôn, nếu có người hành dâm với súc sanh thì có phạm Giới không?

Đức Phật bảo Ưu-ba-ly:

- Vừa “đưa vào” liền phạm.

Nhân duyên “vừa đưa vào liền phạm” đã được giải rõ trong Luật. Chế giới thêm có hai nhân duyên: Một là gấp, hai là chậm.

Phạm với người cho đến súc sanh gọi là gấp.

Thế nào là chậm? - Nếu có Tỳ-kheo định bỏ đạo hoàn tục để hành dâm thì được phép xả Giới trở về nhà. Sau đó lại thích sống trong đạo thì được phép xuất gia thọ Cụ túc. Đó gọi là chậm.

Như Tỳ-kheo Nan-đề-già phạm giới trọng, được phép sám hối và phải ở dưới đại Tăng, trên Sa-di. Đó cũng là chậm.

Ví như trong nước có người phạm tội, vua chế luật lại, một là gấp, hai là chậm. Việc chế thêm cũng như vậy, một là gấp, hai là chậm.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc vi phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định là không phạm: Một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên là: Khi Phật chưa chế giới, người phạm lần đầu tiên chính là duyên.

- Chế là: Khi có người phạm lần đầu, Phật chế định không được phạm giới. Đó gọi là chế.

- Chế thêm là: Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni không được tự chủ, bị sức mạnh cưỡng bức cùng hành dâm, nhưng không cảm nhận vui thích thì không phạm. Đó là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định không phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định việc vi phạm: Một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên là: Bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại thành Vương Xá. Tỳ-kheo Đà-nị-ca không được cho phép mà vẫn lấy gỗ quý của vua Bình Sa. Vì muốn các Tỳ-kheo sau này không phạm lại lỗi lầm đó, Phật liền tập hợp các Tỳ-kheo lại. Đó gọi là duyên.

- Phật dạy: “Nếu Tỳ-kheo nào lấy vật không được cho ở nơi hoang vắng hoặc trong làng xóm thì phạm Ba-la-di”. Đó gọi là chế.

- Hoặc tự lấy, hoặc bị người khác sai lấy, hoặc sai người khác lấy: ba trường hợp không cho mà lấy này đều phạm Ba-la-di. Đó là chế thêm.

Nếu là vật của người khác nhưng không nghĩ là vật của người khác thì phạm Đột-kiết-la. Đó cũng là chế thêm.

Cần phải biết rõ: Tất cả mọi vi phạm đều được quyết định ở ba trường hợp như vậy.

Chế thêm lại có hai loại: Một là gấp, hai là chậm.

Gấp là cho đến cỏ cây, lá, vật của người khác mà họ không cho thì không được lấy. Đó gọi là gấp.

Chậm là: Vật của người khác không nghĩ: “đó là vật của người khác” mà lấy thì gọi là chậm.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc vi phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định không phạm: Một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên như đã nói ở trên.

- Chế là: Lúc chưa kết giới thì không phạm, đó là chế.

- Chế thêm là: Vật của người khác biết rõ là vật của người khác nên không lấy, cho đến không khởi tâm trộm. Đó gọi là chế thêm.

Lúc ấy, đức Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly, có Tỳ-kheo ở cạnh sông Bạt-câu, quán tưởng bất tịnh, nhằm chán thân này nên đem y bát thuê Tỳ-kheo khác giết mình. Vì muốn dứt trừ việc ác như vậy nên Như Lai tập hợp các Tỳ-kheo lại. Đó gọi là duyên.

Chế là: Tỳ-kheo nào giết chết người thì phạm tội Ba-la-di, không được sống chung. Đó gọi là chế.

Chế thêm là: từ việc giết hại thai nhi cho đến giết người lớn đều mắc Ba-la-di. Đó gọi là chế thêm.

Lại có việc chế lại: nếu người bệnh muốn tự sát, Tỳ-kheo hoặc tự đưa dao, hoặc dạy người khác đưa dao, hoặc tự đưa thuốc, hoặc dạy người khác đưa thuốc, tạo nhiều phương tiện như vậy đều gọi là chế thêm.

Chế thêm gồm có hai nhân duyên: một là gấp, hai là chậm. Gấp là không được giết bất cứ loài nào, cho đến con kiến, đó gọi là gấp. Chậm là: Hoặc người mà tưởng là chẳng phải người nên giết thì không phạm, đó gọi là chậm.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc vi phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định không phạm: Một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên là như ở trên đã nói.

- Chế là: Khi chưa chế giới thì không phạm, đó gọi là chế.

- Chế thêm là: Không phát sanh tâm giết hại đối với tất cả chúng sanh, đó gọi là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc không phạm.

Lại có ba chỗ quyết đoán: một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên là: Lúc bấy giờ Thế Tôn ở tại chùa Ma-đế, cạnh sông Bạt-câu, ở Tỳ-xá-ly. Các Tỳ-kheo vì việc khát thực nên nói dối. Để đoạn trừ việc ấy, Như Lai cho tập hợp các Tỳ-kheo. Đó là duyên.

- Chế là: Tỳ-kheo nào tự xưng mình đặc pháp hơn người thì Tỳ-kheo ấy mắc tội Ba-la-di, không được sống chung. Đó gọi là chế.

- Chế thêm là: Tự xưng đạt được thân niệm xứ, cho đến tự xưng đắc quả. Đó gọi là chế thêm.

Chế thêm gồm có hai loại: Một là gấp, hai là chậm. Gấp là không được nói dối cho đến đùa giỡn, đó là gấp. Chậm là: Nếu muốn nói dối nhưng nói không được, người kia không hiểu thì mắc tội Thâu-lan-giá, đó là chậm.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc phạm.

Có ba trường hợp để quyết định việc không phạm: Một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên: Như đã nói ở trên.

- Chế là: Làm khi chưa chế giới thì không phạm. Đó là chế.

- Chế thêm là: Như Tỳ-kheo tặng thượng mạn, thật chưa đắc đạo, nghe người bên cạnh nói mình đắc đạo, ý cho là thật đắc. Sau đó vị ấy nỗ lực không ngừng và đắc quả A-la-hán, biết việc cho mình đã đắc quả vào lúc trước là không thật, vị ấy phân vân nên đem hỏi Phật, Phật nói: “Không phạm”. Đó gọi là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc không phạm.

Như vậy, cho đến các pháp Học đều dùng ba pháp này suy ra thì

iết. Lại nữa, cần phải nêu ra duyên liên quan đến các vật như: 1- Bình bát.

2- Y.

3- Tọa cụ.

4- Ống đựng kim.

5- Người hành đạo.

6- Người.

7- Phòng.

- Duyên của bình bát là: Bấy giờ, Thế Tôn ở tại thành Vương Xá, thành này có một trưởng giả, trong nhà ông ta có bình bát lớn làm bằng gỗ chiên đàn,... cho đến tập hợp các Tỳ-kheo. Đó là duyên.

- Chế là: Không nên chứa bình bát bằng chiên đàn. Đó là chế.

- Chế thêm là: Không nên hiện thân thông cho các bạch y xem. Đó là chế thêm.

Lại nữa, chế thêm là: Tỳ-kheo không được chứa bát gỗ, bát đá, bát vàng, bát bạc, bát quý báu, bát ngọc châu: Không được đặt bát trên giá, không được đặt bát trên cục bùn, cho đến không được để bát ẩm ướt vào túi xách. Việc này trong kinh độ Tạng có nói rõ.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc phạm.

Lại nữa, không nên ngồi trên bát, không nên nằm trên bát, không nên đứng nước rửa tay chân trong bát, không nên dùng bát làm bất cứ việc gì khác trừ khi bệnh: không nên dùng bát để đựng phần: không được không yêu mến giữ gìn bát, phải quý bát như con mắt, trừ khi bệnh.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định việc không phạm: một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên là: Lúc ấy Thế Tôn ở tại Ba-la-nại, các Tỳ-kheo bạch Phật: “Chúng con nên cất chứa những loại bát nào?”, đó là duyên.

- Chế là: Cho phép các Tỳ-kheo được chứa loại bát miệng rộng và bát đứng thẳng.

- Chế thêm là: Cho phép các Tỳ-kheo được chứa bát sắt, bát đất Tô-ma, cho đến bát đỏ. Đó là chế thêm.

Lại nữa, chế thêm là: Nếu bát được vắt trên vai hay dưới nách mà bị bể thì được phép làm cái giỏ để đựng. Nếu bát đất Tô-ma bị vỡ thì dùng sợi tơ kiếp-ba hay sợi gai để vá lại, cho đến dùng lạc-sa để hàn gắn lại. Nếu bát sắt bị thủng thì phải đập sắt cho mỏng vá lại mà dùng. Bát dư không được cất chứa quá mười ngày. Bát thủng chưa quá năm chỗ thì không được xả bỏ để tìm bát khác. Tỳ-kheo ni có bát dư thì phải tịnh thí ngay trong ngày hôm đó, không được để qua đêm. Đó cũng là chế thêm.

Nhân duyên liên quan đến y áo là: một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại nước Xá Vệ, nhóm sáu Tỳ-kheo cất chứa y có màu sắc đẹp nên Phật tập hợp các Tỳ-kheo. Đó là duyên.

Chế là: Không được cất chứa y có màu sắc đẹp. Đó là chế.

Chế thêm là: Không được cất chứa y gấm, y trắng, không được cất chứa y có tua, y lưới. Đó là chế thêm.

Lại nữa, không được trùm đầu mà đi, không được cất chứa giày da, trừ khi có việc.

Không được dùng y Tăng-già-lê để gói gỗ, củi, bột, gạo, phân bò, cỏ, đất. Không được dẫm lên Tăng-già-lê, không được xếp Tăng-già-lê trải làm tọa cụ, không được mặc Tăng-già-lê mà không mặc áo lót, không được không quý tiếc, giữ gìn Tăng-già-lê như giữ gìn da mình. Đó là chế thêm.

Đó là ba chỗ quyết định việc phạm.

Lại có ba chỗ quyết định việc không phạm: Một là duyên, hai là

chế, ba là chế thêm.

- Duyên là: Khi ấy Thế Tôn ở Ba-la-nại, có các Tỳ-kheo bạch Phật: “Chúng con nên cất chứa những loại y nào?”. Đó là duyên.

- Chế là: Các Tỳ-kheo được phép cất chứa y phần tảo. Đó là chế.  
 - Chế thêm là: Cho phép chứa mười loại cho đến y phần tảo.

Lại nữa, Tỳ-kheo không được cất chứa y dư quá mười ngày.

Người

nào bị nước, lửa, trộm cướp lấy mất y mà có đàn việt đem nhiều y đến cúng dường thì chỉ được nhận ba y, không được nhận hơn.

Tỳ-kheo có được y mới phải chấm ba chấm để tác tịnh. Nếu y bị rách thì được phép vá lại.

Đó là ba trường hợp để quyết định không phạm.

Về tọa cụ, có ba trường hợp để quyết định việc phạm: một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên là: Khi ấy Thế Tôn ở tại nước Xá Vệ, nhóm sáu Tỳ-kheo cất chứa tọa cụ dài rộng quá kích cỡ cho phép. Nhân đó, Phật tập hợp các Tỳ-kheo lại. Đó là duyên.

- Chế là: Tỳ-kheo nào cất chứa tọa cụ quá kích cỡ thì gọi là phạm. Đúng kích cỡ là: Dài hai gang tay rưỡi của Phật, rộng một gang tay rưỡi của Phật.

- Chế thêm là: Không được cất chứa tọa cụ có màu đẹp, tọa cụ gấm, tọa cụ lụa, tọa cụ da: Không được dùng phu cụ gói gỗ cây thị, cây nài, cho đến gói đất. Phải giữ gìn tọa cụ như giữ gìn da mình. Đó là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định việc không phạm: một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên: Như đã nói ở trên.

- Chế là: Làm đúng kích cỡ Phật đã dạy, đó là chế.

- Chế thêm là: Làm mười loại cà-sa theo đúng hạn kích cỡ mà đức Phật dạy, vải nhuộm thành màu cà-sa cũng được phép làm tọa cụ. Đó là chế lại.

Đó là ba trường hợp để quyết định không phạm.

Về ống đựng kim, có ba chỗ quyết đoán: Một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên là: Bấy giờ, Thế Tôn ở tại thành Vương Xá, có người thợ làm ống đựng kim, có lòng tin Tam bảo nên thường thỉnh cúng Tăng

đến và cúng dường ống đựng kim. Do cúng dường mãi dứt nên ông ta

nghèo khổ, không đủ sinh sống. Nghe vậy, Phật liền tập hợp các Tỳ-kheo. Đó là duyên.

- Chế là: Các Tỳ-kheo không được cất chứa ống đựng kim làm bằng xương, răng, sừng. Đó là chế.

- Chế thêm là: Có Tỳ-kheo dùng loại vải có màu sắc đẹp làm túi đựng kim, hoặc dùng gấm, lụa, da làm túi đựng kim. Phật không cho phép dùng vải có màu sắc đẹp cho đến da làm túi đựng kim. Đó là chế thêm.

Ống và túi đựng kim này phải được cất cho kín, không được để cho bạch y mang đi. Vì sao vậy? - Có một Tỳ-kheo đi chung đường với một khách buôn. Khi ấy, Tỳ-kheo bảo với khách buôn: “Tôi có việc phải đi lui lại phía sau, anh hãy mang giùm tôi ống đựng kim này đi trước đi, lát nữa tôi sẽ đi theo kịp”. Lúc Tỳ-kheo ấy đã lui lại phía sau, người khách buôn liền đem hạt ngọc châu trị giá trăm ngàn lượng vàng bỏ vào ống đựng kim. Khi Tỳ-kheo trở lại, khách buôn đưa ống đựng kim trả lại mà không nói cho vị ấy biết. Khi đến chỗ thu thuế, họ bị gọi lại để kiểm soát. Người thu thuế tìm thấy hạt ngọc quý ở trong ống đựng kim nên quở trách thầy Tỳ-kheo, làm vị ấy rất khổ não. Nghe vậy, Phật chế giới: “Từ nay trở đi, không được đưa ống đựng kim cho bạch y mang đi”. Đó là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định không phạm: một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên là: Như đã nói ở trên.

- Chế là: Ban đầu, khi chưa chế giới thì không phạm. Đó là chế.

- Chế thêm là: Ống đựng kim làm bằng đồng, sắt, chì, thiết, tre, cỏ lau, gỗ, bùn, đá... thì được phép cất chứa. Lại cho phép các Tỳ-kheo dùng mười loại vải để may túi đựng kim mà dùng. Đó là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định không phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định việc phạm: một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên là: Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo thường đi du hành qua các nước. Vào mùa hạ, họ bị nước mưa cuốn trôi mất y bát hoặc làm tổn hại chúng sanh, cho đến giẫm đạp cỏ non. Các đàn-việt chê trách: “Ngoại đạo giữ giới còn sợ làm tổn hại chúng sanh nên không đi lại vào mùa hạ, huống là đệ tử Phật có lòng từ bi, sao lại đi tìm cầu cả mùa đông, mùa hạ, không biết chán biết đủ? Chim sống trên cây rừng, thú sống trên núi đều có lúc dừng nghỉ, vì sao Tỳ-kheo không có lúc tạm thời



ngủ ngơi?” Nghe được việc ấy, đức Thế Tôn liền tập hợp các Tỳ-kheo. Đó là duyên.

- Chế là: Các Tỳ-kheo không được đi lại khi an cư mùa hạ. Đó là chế.

- Chế thêm là: Có một Tỳ-kheo khi an cư mùa hạ, sau khi đã kiết giới an cư xong, đã đi ra ngoài mà không có lý do. Phạm pháp an cư là khi đã kiết giới an cư xong, không được đi ra ngoài mà không có lý do. Như Thích tử Bạt-nan-đà, gánh lông trên đầu gậy mà đi, đó đều là việc Phật không cho phép.

Lại nữa, như nhóm sáu Tỳ-kheo đi chung đường với Tỳ-kheo ni cũng không được Phật cho phép.

Lại nữa, không được đi chung đường với trộm, cướp, cho đến không được vác lọng báu mà đi trên đường như Thích tử Bạt-nan-đà. Lại không được treo bát lên đầu cây cờ mà đi.

Tất cả những việc không được làm trên đường đi cần biết rõ như vậy. Đó gọi là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định không phạm: Một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên: Như trên đã nói.

- Chế là: Nếu không kịp tiền an cư mà kịp hậu an cư thì cũng không phạm.

Lại nữa, đi ra ngoài có lý do thì cũng không phạm.

Lại có Tỳ-kheo thọ pháp bảy ngày, khi về đến nhà biết số ngày phép sắp hết, muốn trở lại nhưng mẹ không cho. Khi đã quá bảy ngày, vị ấy tưởng đã mất an cư nên đến bạch Thế Tôn. Phật nói: “Nếu quyết định trở về nhưng mẹ không cho thì không mất an cư”.

- Sau khi an cư mùa hạ xong, Tỳ-kheo phải dời đến ở chỗ khác. Nếu có việc không đi được thì không phạm. Nếu không có việc, an cư xong đi ra ngoài một đêm rồi trở lại cũng không phạm. Đó gọi là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định không phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định việc phạm: một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên là: Khi đó, Thế Tôn ở tại thành Vương Xá. Trong thành lúc ấy có mười bảy thiếu niên, lớn nhất là mười bảy tuổi và nhỏ nhất là mười hai tuổi. Người giàu nhất có tám mươi ức vạn tiền và người nghèo nhất có tám mươi vạn tiền.

Trong số các cậu bé ấy có một người tên là Ưu-ba-ly, được cha mẹ rất yêu mến. Cha mẹ cậu ấy nghĩ: “Ta chỉ có đứa con duy nhất này, sau khi ta trăm tuổi, làm sao để đứa con này được sống lâu, không khổ, thường được yên vui?”.

Họ định cho cậu bé học viết chữ, đọc tụng kinh sách, nhưng lại sợ con bị mỏi mắt và bị khổ. Định cho học vẽ lại sợ đứng lâu mỏi chân. Định dạy thiên văn, tính toán lại sợ con mệt nhọc thân tâm. Họ lại suy nghĩ: “Sa-môn dòng họ Thích thường ở nơi yên tĩnh, cầu đạo vô vi. Đó chính là niềm vui lớn. Ta hãy cho đứa bé làm Sa-môn”.

Lại có nhóm mười bảy cậu bé là bạn của cậu ấy. Các cậu thường xuyên đến rủ nhau cùng đi xuất gia. Thế rồi cha mẹ cho các cậu xuất gia. Vị thầy liền cho thọ giới Cụ túc, nhưng vì họ còn nhỏ tuổi, mỗi ngày ăn hai bữa, đến tối, trời chưa kịp sáng lại la khóc đòi ăn. Phật dùng thiên nhĩ thông nghe tiếng khóc của các cậu ấy, liền tập hợp các Tỳ-kheo. Đó là duyên.

- Chế là: Đủ hai mươi tuổi mới được thọ giới Cụ túc. Đó là chế.

- Chế thêm là: Chưa đủ hai mươi tuổi thì không được thọ giới.

Lại có mười ba hạng người không được thọ Giới. Trong số mười ba hạng người này, nếu truyền giới cho một người, biết họ là hạng người không nên truyền giới cho mà vẫn truyền giới cho họ thì Giới sư cũng bị phạm. Đó là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định không phạm: một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên: Như đã nói ở trên.

- Chế là: Khi chưa chế giới thì không phạm. Đó là chế.

- Chế thêm là: Tuổi đủ hai mươi, cho thọ giới thì không phạm. Nếu không biết người đó chưa đủ hai mươi tuổi, người thọ giới cũng không tự biết thì truyền giới không phạm.

Có một Sa-di chưa đủ hai mươi tuổi mà thọ giới Cụ túc nên sanh phân vân không biết mình có đắc giới hay không, liền đến bạch Thế Tôn, Phật nói:

- Cho phép ông tính thêm năm trong thai. Nếu chưa đủ thì cho phép tính luôn số tháng nhuần. Nếu chưa đủ thì cho phép tính ngày bố-tát vào ngày thứ mười bốn. Sau khi tính luôn ngày bố-tát vào ngày thứ mười bốn mà vẫn chưa đủ tuổi, Phật hỏi các Tỳ-kheo:

- Thầy ấy đã đắc quả A-la-hán chưa?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Đã đắc quả A-la-hán.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Đó là thọ Cụ túc bậc thượng. Nếu như vậy, tuy chưa đủ hai mươi tuổi nhưng vẫn đắc Cụ túc, không có phạm.

Như Thiện-na-da-thâu-đà thọ giới, đắc giới không phạm, cho đến San-xà-da-già, Ưu-ba-đề-xá, Câu-luật-đà... cả thấy là hai trăm năm mươi người và nhiều người khác thọ giới, đắc giới. Đó là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định không phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định việc phạm: Một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên là: Lúc ấy ở tại thành Vương Xá, đức Thế Tôn cho phép Tỳ-kheo A-la-tỳ cất thất riêng. Tỳ-kheo A-la-tỳ cất thất rất rộng lớn, cần rất nhiều tiền của nên đi xin liên tục. Vì thế, những người ở làng mà vị ấy cư trú vừa trông thấy Tỳ-kheo là họ đều vào nhà tránh, không muốn gặp. Nghe được việc ấy, Phật liền tập hợp các Tỳ-kheo. Đó là duyên.

- Chế là: Tỳ-kheo nào không có thí chủ, tự làm thất riêng cho mình, cần phải làm đúng kích cỡ cho phép, nếu làm quá kích cỡ thì phạm Tăng-tàn. Đó là chế.

- Chế thêm là: Như tôn giả Xiển-đà, tự làm thất riêng, theo vua xin gỗ. Vua nói: “Cứ tùy ý lấy dùng”. Vị ấy liền chặt cây mà tất cả mọi người đều quý trọng mọc ở trên đường cái. Vì thế, người đời đều chê trách: “Vì sao Tỳ-kheo không có lòng từ bi, đã làm chấm dứt mạng sống của cây!” Nhân đó Phật chế giới:

- Khi cất thất riêng không được chặt cây lớn ở trên đường. Đó là chế thêm.

Một lúc nọ, đức Thế Tôn ở tại nước Câu-diêm-di. Tỳ-kheo Xiển-đà làm thất riêng, dùng nước có trùng hòa với bùn để làm thất. Sau khi làm xong, còn dư bùn vị ấy chất hết lên trên thất, làm thất bị sụp đổ. Nhân đó Phật chế giới:

- Khi làm thất riêng, không được chặt cây lớn ở trên đường, không được lấy nước có trùng trộn với bùn, không được chất bùn bên trên thất. Đó là chế thêm.

Bấy giờ, tôn giả La-hầu-la ở tại Na-la-già-ba-ninh. Một đàn-việt có lòng tin Tam bảo, cung kính tôn giả La-hầu-la nên cất thất riêng cho La-hầu-la. Khi cất xong, ông ta thỉnh La-hầu-la nhận dùng. La-hầu-la nhận và dùng được một thời gian thì rời nơi ấy, đi đến nơi khác để giáo hóa. Chủ thất lại đem cái thất đó, cúng cho nhiều người. Thời gian sau

La-hầu-la trở lại, nghe vậy liền đem việc ấy bạch đầy đủ với Thế Tôn, Phật dạy La-hầu-la:

- Ông hãy đến hỏi đàn-việt ấy: “Đàn-việt thấy tôi có lỗi gì nơi thân, khẩu, ý hay không?”.

Đàn-việt đáp: “Không thấy có lỗi”.

La-hầu-la trở về gặp Phật, thuật lại đầy đủ lời đàn-việt nói. Nhân đó, Phật liền tập hợp các Tỳ-kheo và dạy:

- Hoặc có sự cúng dường như pháp, thọ nhận như pháp và dùng như pháp. Hoặc có sự cúng dường không như pháp, thọ nhận không như pháp và dùng không như pháp:

Nếu có đàn-việt tự phát tâm cất thắt cúng một người, sau đó lại chuyển sang cúng dường cho nhiều người, thì đó gọi là cúng dường không như pháp, thọ nhận không như pháp và dùng không như pháp.

Nếu có người tự ý cất thắt cúng cho một người, sau đó lại chuyển sang cúng dường cho chúng Tăng, thì đó là cúng dường như pháp, thọ nhận như pháp và dùng như pháp.

Nếu có người tự phát tâm cất thắt cúng dường cho một người trong chúng. Về sau, chúng này phân thành hai nhóm, nếu người ấy chuyển phòng này lại cho một nhóm thì đó là cúng dường không như pháp, thọ nhận không như pháp và dùng không như pháp.

Nếu có đàn-việt phát tâm cất nhà cúng dường cho nhiều người, về sau chuyển sang cúng cho một người hoặc chuyển sang cúng cho đại chúng thì đều là cúng dường không như pháp, thọ nhận không như pháp và dùng không như pháp.

Như pháp là: Cúng cho một người thì một người nhận dùng, cúng cho nhiều người thì nhiều người nhận dùng, cúng cho chúng Tăng thì chúng Tăng nhận dùng. Nếu chúng Tăng phân thành hai nhóm, cúng cho bên nào thì một nhóm đó nhận dùng. Đó gọi là nhận dùng như pháp.

Đó là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định việc

phạm.

Lại có ba trường hợp để quyết định việc không phạm: Một là duyên, hai là chế, ba là chế thêm.

- Duyên: như đã nói ở trên.

- Chế là: ban đầu, khi chưa chế giới thì không phạm. Đó là chế.

- Chế thêm là: Nếu chúng Tăng chỉ dẫn nơi cất thắt, cất đúng kích cỡ và không có các chướng nạn, hoặc xây tháp hoặc cất phòng ốc cho chúng Tăng thì không phạm. Đó là chế thêm.

Trong thành Vương Xá có đàn-việt xây dựng tòa nhà chứa được sáu mươi người không phạm. Đó là chế thêm.

Đó là ba trường hợp để quyết định không phạm.

Tất cả những việc không phạm là những việc thuận theo lời Phật dạy mà làm. Phạm là làm ngược lại lời Phật dạy.

Pháp của Tỳ-kheo là phải làm những việc được Phật cho phép và không được làm những việc Phật không cho phép, như ban đầu, giữa và sau cũng vậy.

Thế nào gọi là Tỳ-ni? - Tỳ-ni có năm nghĩa: Một là sám hối, hai là tùy thuận, ba là diệt, bốn là đoạn, năm là xả.

Thế nào là sám hối? - Như vi phạm những học xứ trong bảy thiên thì phải sám hối để trừ tội. Sám hối có thể diệt tội nên gọi là Tỳ-ni.

Thế nào gọi là tùy thuận? - Tùy thuận là bảy bộ chúng ghi nhớ những điều Như Lai ngăn cấm, dạy bảo, rồi thực hành theo không trái nghịch. Đó là Tỳ-ni tùy thuận.

Thế nào gọi là diệt? - Có thể diệt trừ bảy sự tranh cãi nên gọi là Tỳ-ni diệt.

Thế nào gọi là đoạn? - Có thể làm cho phiền não được đoạn trừ, không còn phát sanh nên gọi là Tỳ-ni đoạn.

Thế nào là xả? - Xả có hai loại: Một là xả việc làm, hai là xả kiến chấp.

Xả việc làm là xả mười ba pháp Tăng-tàn. Trong mười ba pháp

này, chín việc đầu vừa làm liền thành tội, không phải đợi can gián. Bốn việc sau phải đợi can gián ba lần mà không nhận, Tăng mới bạch tứ yết- ma thì tội mới thành. Sau khi đã bạch yết-ma ba lần xong thì có ăn năn cũng không kịp. Mười ba việc như vậy gọi là xả việc làm.

Xả kiến chấp là như Tỳ-kheo A-lê-tra nói: “Đích thân tôi đã nghe Phật dạy: Hành dục không có chướng ngại đạo pháp”. Xả bỏ kiến chấp đó thì gọi là xả.

Hai loại này gọi là Tỳ-ni xả.

Tóm lại có hai loại: Một là có thể phát lồ, hai là không thể phát lồ.

Có thể phát lồ là mười ba pháp Tăng-tàn của Tỳ-kheo, mười chín

pháp Tăng-tàn của Tỳ-kheo ni, trong đó có sáu pháp cần được can gián ba lần và có thể làm yết-ma trừ tội được. Đó là tội có thể

phát lồ.

Tội không thể phát lồ là: Ni có một việc có thể can gián ba lần. Như là Tỳ-kheo phạm tội, Tăng làm yết-ma tấn xuất, có Tỳ-kheo ni thường đến giúp đỡ. Việc đó được báo với Tỳ-kheo ni khác. Tỳ-kheo ni

ấy can gián: “Không nên trợ giúp người kia nữa”. Cho đến ba lần can gián, cô ấy vẫn không ngừng trợ giúp. Ni, Tăng liền bạch tứ yết-ma, cho đến khi đã yết-ma lần thứ ba mà cô ấy sám hối thì tội vẫn có thể tiêu trừ. Đến khi yết-ma lần thứ tư thì tội đã thành, không thể tiêu trừ nữa. Đó gọi là không thể phát lộ.

Việc như vậy, Tỳ-kheo có bốn, Tỳ-kheo ni có bảy. Ngoài ra, các việc khác đều không cần can gián.

Đó là Tỳ-ni xả.

Năm nghĩa ấy đều là nghĩa của

Tỳ-ni.

Thế nào là phạm? - Phạm có hai loại: một là phạm nặng, hai là phạm nhẹ.

Phạm nặng là: Khi muốn làm ác, lửa phiền não rất mạnh, có thể thiêu đốt hết tâm thiện, việc ác được hình thành. Đó là nghĩa thiêu đốt. Sau khi làm việc ác xong, lúc hối cải, tâm rất khổ não, tâm thiện rất mạnh, có thể tiêu diệt tâm ác. Đó cũng là nghĩa thiêu đốt.

Phạm nhẹ là: Tâm ít khởi phiền não. Phạm tội nhẹ, diệt mất chút ít tâm thiện, không được tự chủ: Đó gọi là nghĩa thiêu đốt. Đến khi hối cải, phát sanh chút ít tâm thiện để đốt chút ít tâm ác. Đó cũng là nghĩa thiêu đốt.

Thế nào gọi là phạm? - Có thể làm cho chúng sanh luân hồi trong ba cõi, gọi là phạm.

Lại nữa, thế nào gọi là phạm? - Làm việc không được phép làm, gọi là phạm.

Thế nào gọi là phạm? - Vi phạm giới mà mình đang hành trì, quả báo mà mình phải chịu do vi phạm ấy thật không đáng ưa nên gọi là phạm.

Lại nữa, thế nào gọi là phạm? - Tội lỗi khổ não hành hạ toàn thân đều gọi là phạm: có thể đoạn trừ pháp lành gọi là phạm.

Lại nữa, những việc làm bất thiện ở trong ba cõi như: Cõi người, cõi trời, cõi lục dục, trời Tứ thiên, Tứ không, đều gọi là phạm.

Lại nữa, khởi tâm sân hận gọi là phạm: phiền não nhiễm tâm cũng gọi là phạm.

Lại nữa, ở trong đạo mà phiền não ngày càng tăng thì gọi là phạm: Phiền não đầy ắp cũng gọi là phạm.

Vì sao phiền não được gọi là phạm? - Như nước chứa trong bình được đun lửa thì tuôn trào: Lửa phiền não có thể làm thân miệng buông lung, tạo nghiệp bất thiện.

Lại nữa, phạm là làm những việc không được làm trong bảy tự:

Người nào làm đều gọi là phạm.

Vì sao gọi là Ba-la-di? - Phá hoại, tan rã gọi là Ba-la-di. Bị đao, giáo của người khác làm tổn thương, cắt đứt mạng căn gọi là Ba-la-di.

Trong Phật pháp, cùng chiến đấu với phiền não, bị điều ác làm hại gọi là Ba-la-di.

Lại nữa, Ba-la-di là bị mất ba mươi bảy pháp trợ đạo, bị bốn quả Sa-môn xả bỏ: Bị Giới, Định, Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến cùng tất cả các pháp lành xả bỏ. Đó gọi là Ba-la-di.

Lại nữa, ở trong Tỳ-ni, trong chánh pháp, trong pháp Tỳ-kheo, bị đoạn diệt, không còn sanh trở lại, gọi là Ba-la-di.

Đức Thế Tôn nói: “Có Niết-bàn ở bờ bên kia. Do không thể vượt qua bờ bên kia nên gọi là Ba-la-di. Người phạm Ba-la-di cũng như người bị người khác chặt đầu, không thể sống lại. Bị pháp ác tiêu diệt, không còn là Tỳ-kheo, gọi là Ba-la-di”. Tôn giả Ca-diếp-duy nói: “Phạm điều ác nặng nề nhất, hoàn toàn không thể thành tựu đối với pháp Tỳ-kheo, gọi là Ba-la-di.

Lại nữa, người phạm tội Ba-la-di giống như người phạm tội bị kết án tử hình, không hề còn đường sống: Cũng vậy, người phạm tội Ba-la-di vĩnh viễn không còn đường sám hối, hoàn toàn không thể tu tập trong pháp Tỳ-kheo, đó gọi là Ba-la-di. Như người muốn đến bờ bên kia, do ngu si giữa đường bị người khác lừa dối nên không thể đến bờ bên kia: Ở trong Phật pháp bị phiền não lừa dối, không thể đến Niết-bàn ở bờ bên kia, đó gọi là Đọa.

*Đứng đầu ác là dâm  
Hoặc không cho mà lấy  
Hoặc giết hại mạng người  
Giả chứng pháp hơn người.  
Là phương tiện mạnh nhất  
Đoạn trừ các việc thiện  
Xả bỏ các công đức  
Đó là Ba-la-di.  
Tuy giả mặc pháp phục  
Ngồi xen trong chúng Tăng  
Cách xa người phạm hạnh  
Gọi là Ba-la-di.  
Sống nhờ vật cúng dường  
Chẳng lo tạo công đức  
Làm giặc cướp đất nước*



*Gọi là Ba-la-di.*

Thế nào gọi là Tăng-tàn? - Tăng-tàn là khi phạm tội phải sám hối trước Tăng, không được sám hối trước một người, cho đến hai, ba người. Sám hối trước chúng Tăng gọi là Tăng-tàn. Do tất cả những việc sám hối như thế của Tỳ-kheo đều phải làm trước Tăng và nhờ Tăng xá tội cho nên gọi là Tăng-tàn.

Lại nữa, vì có một ít còn lại, không bị diệt mất hết nên gọi là Tăng-tàn.

Lại nữa, tàn là như người bị người khác chặt đầu mà còn sót lại cuống họng, gọi là tàn.

Ví như hai người cùng tham gia chiến trận, một người bị người khác giết chết, người thứ hai thì bị người khác làm cho bị tổn thương gần chết. Người này nếu gặp được thầy giỏi thuốc hay thì có thể lành, còn nếu không thì không thể lành. Người phạm Tăng-tàn cũng vậy, chỉ còn chút ít cơ hội để sám hối, nếu được đại chúng thanh tịnh nói pháp sám hối trừ tội như pháp thì tội ấy có thể tiêu trừ. Nếu không có đại chúng thanh tịnh thì tội ấy không thể trừ được. Đó là pháp diệt trừ tội Tăng-tàn.

Để trừ tội Tăng-tàn, phải cho người phạm tội ở riêng, tiếp theo cho thực hành sáu ngày ma-na-đỏa, kế đó làm pháp yết-ma trừ tội. Sau khi làm yết-ma trừ tội xong thì người phạm tội được thanh tịnh, được giải thoát khỏi tội lỗi và không còn vi phạm trở lại. Đó gọi là Tăng-tàn.

Thế nào gọi là Ba-dật-đề? - Do phạm tội nhẹ nên gọi là Ba-dật-đề.

Lại nữa, Ba-dật-đề là tội cành nhánh, không dứt mất căn lành nên gọi là Ba-dật-đề.

Lại nữa, như người bị chém, bị thương chút ít ở da, không đến nỗi mất mạng: Cũng vậy, tội Ba-dật-đề làm tổn hại chút ít việc lành nên gọi là Ba-dật-đề.

Thế nào gọi là Ba-la-đề-đề-xá-ni? - Ba-la-đề-đề-xá-ni là phạm xong phải sám hối ngay, mấy lần phạm là mấy lần sám hối nên gọi là Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Lại nữa, Ba-la-đề-đề-xá-ni là do nhầm lẫn mà làm, chẳng phải do cố tâm mà làm, nên gọi là Ba-la-đề-đề-xá-ni.

Thế nào gọi là Thâu-lan-giá? - Thâu-lan-giá là tội gần bằng tội thô ác.

Lại nữa, muốn phạm tội nặng nhưng làm không thành, gọi là Thâu-lan-giá.

Lại nữa, lời nặng nề hơn so với Đột-kiết-la nên gọi là  
Thâu-lan-  
iá.

Làm những việc sau đây thì mắc tội Thâu-  
lan-giá: 1- Ăn thịt người.

2- Cắt chữa da người.

3- Cạo lông ở gần nữ căn và lông dưới nách.

4- Dùng thuốc rưới lên đường đại tiện.

5- Chứa tóc  
người. 6- Khỏa thân  
mà đi.

7- Chứa bát  
bằng đá. 8- Giận dữ  
xé rách y.

9- Giận dữ phá  
phòng ốc. 10- Giận dữ  
phá tháp.

Đó là tự tánh của Thâu-lan-giá.

Đột-kiết-la còn gọi là ác tác. Phạm oai nghi phép tắc nơi  
thân,  
miệng gọi là ác tác.

Ác ngữ có hai loại: một là nói lời thô ác, hai là nói không  
đúng  
lúc.

Nói lời thô ác là: Thích tử Ma-ha-nam đem thuốc cúng  
dường

chúng Tăng với tâm bình đẳng, nhóm sáu Tỳ-kheo phỉ báng:  
“Loại tốt dâng hết cho Thượng tọa, còn loại xấu thì đem cho chúng  
tôi”. Thích tử nói: “Tôi sẽ đi chợ mua thuốc tốt cho tôn giả”. Do nhóm  
sáu Tỳ-kheo phỉ báng người khác nên gọi là nói lời thô ác.

Nói không đúng lúc gọi là nói phi  
thời. Các thứ được phép dùng vào đầu  
đêm là: 1- Nước mía.

2- Nước hòa với  
nước mía. Lại có tám loại  
nước:

1- Nước quả  
xoài. 2- Nước  
thiệt-mà.

3- Nước câu-la.

4- Nước chú-đề.

5- Nước nguyên-đề.

6- Nước xá-lâm-tỳ.

7- Nước phá-lâu-thi.

8- Nước nho.

Nếu các loại nước này chưa biến vị thì được phép uống đến  
đầu  
đêm.

Hai ngày hai đêm là khoảng thời gian người thọ Cụ túc cùng người chưa thọ Cụ túc được phép ngủ chung. Đến đêm thứ ba, khi mặt trời chưa mọc, người thọ Cụ túc phải ngồi dậy.

Lại có việc sau liên quan đến hai đêm: đó là người phạm tội thì phải phát-lồ để ở riêng. Nếu nơi ở riêng có tai nạn đáng sợ, không thể ở được thì người ấy được phép che giấu hai đêm.

Lại có hai thời tương ứng với pháp là: Đầu đêm và cuối đêm phải siêng năng ngồi thiền, kinh hành. Vì sao không siêng năng cả ba thời?

- Vì có một thời giữa đêm dành cho hành giả nghỉ ngơi, cho nên không được dạy tu hành suốt đêm. Lý do khuyến hành giả nỗ lực vào đầu đêm, cuối đêm là vì muốn hành giả hành đạo không biếng nhác. Đó là hai thời tương ứng.

Những việc được phép làm ban đêm là: Ban đêm được nằm nơi đất trống, ban ngày thì không được. Khi sắp sáng phải trở vào phòng nằm ngủ.

Khi kinh hành vào ban đêm, nếu nóng nực thì không cần mặc đầy đủ các y, chỉ cần khoác y mà kinh hành. Nếu quá mỏi chân thì không cần mặc y nội cũng được.

Mang giày da, lấy nước cho người, hoặc lấy nước ở ao thì được phép lấy vào ban đêm, ban ngày không được.

Những việc được phép làm trước giờ ngọ là: Từ khi mặt trời mọc đến giờ ngọ được phép ăn, không phạm. Những loại thức ăn được phép ăn trong giờ ngọ là năm loại thức ăn chính, chẳng phải các loại thức ăn phụ khác. Các loại thức ăn phụ được ăn thường xuyên trước giờ ngọ.

Pháp vào làng thọ thực trước giờ ngọ là: Nếu không có đàn-việt thỉnh thì không nói với người ở bên cạnh mà vào làng khát thực cũng không có lỗi. Nếu nhận lời thỉnh, không nói với người bên cạnh mà đi thì có lỗi. Vì sao? - Như Thích tử Bạt-nan-đà nhận thỉnh hai chỗ, không nói với người bên cạnh mà đi đến một chỗ đã nhận thỉnh vào sáng sớm. Sau đó, đàn-việt đã được nhận thỉnh ở nơi khác đến mời Bạt-nan-đà và các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo đợi Bạt-nan-đà đến quá giờ ngọ nên không được ăn ngọ. Vì thế, Phật chế giới:

- Tỳ-kheo nào có chỗ thỉnh phải báo cho người bên cạnh biết. Trước giờ ngọ, Tỳ-kheo bệnh được ăn cháo.

Trước giờ ngọ vào làng không cần báo cho người bên cạnh.

Vì Phật, vì Pháp, vì Tăng bốn phương, vì tháp, vì bệnh thì được vào làng.

Đệ tử cùng đi, mỗi khi muốn vào làng đều phải bạch với Hòa

thượng.

Tỳ-kheo nào vào làng gặp đàn-việt thì phải báo cho người bên cạnh biết.

Ăn thức ăn dư: Ăn xong, sau đó được ăn lại. Khi giờ ăn chưa qua, làm phép thức ăn dư mà ăn, đó gọi là ăn thức ăn dư.

Người bệnh được phép ăn nhiều lần số thức ăn dư mà không có lỗi. Người nuôi bệnh có làm hay không làm phép thức ăn dư đều được ăn thức ăn dư. Nếu có đàn-việt thỉnh thì phải báo cho người bên cạnh. Nếu không có đàn-việt thỉnh thì không báo cũng không có lỗi.

Công việc mà Tỳ-kheo chỉ được làm vào ban ngày, không được làm vào ban đêm là: dạy Tỳ-kheo ni. Đó là vào ban ngày được dạy, ban đêm không được dạy.

Tỳ-kheo ni nào nhận pháp giáo giới thì ngày mười lăm phải thưa với thầy giáo giới. Nếu bạch với Tăng được ngay lúc ấy thì chiều ngày mười lăm, ni được phép Bố-tát. Nếu ban ngày, Tăng không tập hợp và không bạch Tăng được thì đợi khi Tăng Bố-tát vào buổi chiều tối sẽ bạch Tăng. Sau khi đã nhận được giáo giới thì đến ngày mười sáu. Chúng Tỳ-kheo ni phải đến nghe người đã nhận giáo giới truyền đạt lại. Sau khi đã nhận giáo giới xong liền được Bố-tát. Vào ngày mười lăm, Tỳ-kheo ni đến giữa đại Tăng để nhận giáo giới. Khi Tăng tập hợp liền xin giáo giới, không được để sau đó mới đến xin.

Tỳ-kheo ni nào đã thọ Cụ túc từ chúng tăng Tỳ-kheo ni xong thì ngay ngày hôm đó phải đến thọ Cụ túc nơi đại Tăng, không nên đến vào ban đêm.

Tỳ-kheo ni nào được bát dư thì phải đem cho người khác, hoặc tịnh thí ngay trong ngày đó, cho đến khi mặt trời chưa mọc thì không phạm.

Tỳ-kheo ni nào có được đồ dùng thì được phép chứa. Trong mười sáu loại đồ thì được chứa một cái mỗi loại. Nếu dư thì phải đem cho hoặc tịnh thí cho người khác ngay hôm đó, cho đến khi mặt trời chưa mọc thì không phạm.

Lại có việc thích hợp với ban ngày. Tỳ-kheo nào thích ngồi thiền, nơi ngồi thiền không có Y-chỉ sư, từ nơi ấy đến nơi Y-chỉ sư ở có thể đi qua lại trong một ngày thì rời xa Y-chỉ sư không có lỗi. Nếu hai chùa cách nhau một khoảng đường, có thể đi qua lại trong một ngày, nếu có người nào giữ chùa thì cũng được rời xa Y-chỉ sư mà không có lỗi.

Tỳ-kheo kết đại giới cùng Bố-tát thì được phép kết giới với xa nhất là phạm vi trong khoảng có thể đi về trong ngày.

Đó là pháp tương ứng với ban ngày.

Những pháp được làm cả ngày đêm là thọ Cụ túc, Bố-tát, tự tứ, gởi dục, gởi dục thanh tịnh, gởi dục Tự tứ, thọ an cư, thọ y công đức, thọ không lia ba y cách đêm. Đó là những pháp được làm cả ngày đêm.

Lại có pháp tương ứng với hai ngày

đêm:

- Người thọ Cụ túc với người chưa thọ Cụ túc được ngủ chung hai ngày hai đêm, đến đêm thứ ba khi mặt trời chưa mọc, người thọ Cụ túc phải ngồi dậy.

- Nếu Tỳ-kheo khách đến chùa khác, nhận phòng ốc, ngoại cụ xong, không nói với Tỳ-kheo cựu trú mà đi ra ngoài hai đêm, đến đêm thứ ba, khi mặt trời chưa mọc, nếu tự đến hoặc sai người đến nói với Tỳ-kheo cựu trú thì tốt, nếu không nói thì khi mặt trời mọc liền phạm tội.

- Tỳ-kheo nào ở trong quân đội hai đêm, đến đêm thứ ba, khi mặt trời chưa mọc, nếu còn thời giờ thì có thể chia tay với những người quen, nếu không còn thời giờ thì lập tức ra khỏi quân trận để mặt trời mọc không phạm. Nếu biết từ giã thì người quen sẽ không cho đi, thì hãy đi thẳng, không cần từ giã.

Đó là những pháp tương ứng với hai ngày hai đêm.

Pháp tương ứng với ba ngày ba đêm là: người thọ Cụ túc với người chưa thọ Cụ túc được ngủ cùng phòng ba đêm. Đến đêm thứ tư khi mặt trời chưa mọc, người chưa thọ Cụ túc phải đi ra ngoài cương giới. Nếu người ấy không thể đi thì người thọ Cụ túc phải ra khỏi giới. Đó là pháp tương ứng với ba đêm.

Lại có pháp tương ứng với năm ngày năm đêm. Nếu có nạn trộm cướp, nạn giặc giã, Tỳ-kheo không thể tự mang theo ba y thì nên gởi ba y ở nhà bạch y quen biết trong năm ngày. Đến ngày thứ sáu, khi mặt trời chưa mọc phải đến thăm y và tự tay cầm y. Nếu qua ngày thứ sáu, khi mặt trời mọc mà chưa trở lại thăm y thì phạm Ny-tát-kỳ-ba-dật-đề.

Tỳ-kheo nào vì nghĩ là chỗ thân quen, không nói mà lấy y của người khác để mặc, qua năm ngày, đến ngày thứ sáu khi mặt trời mọc thì phạm Đột-kiết-la.

Tỳ-kheo cứ mỗi năm ngày là phải kiểm tra ba y của mình một lần xem có bị trùng, chuột cắn rách hay không. Nếu để quá năm ngày, đến ngày thứ sáu khi mặt trời mọc thì phạm Đột-kiết-la. Đó là pháp tương ứng với năm đêm.

Pháp tương ứng với sáu đêm là: Tỳ-kheo nào ngủ lia y, đến ngày thứ sáu khi mặt trời mọc thì mất y.

Lại có pháp được thực hành trong sáu đêm, đó là sáu đêm thực hành Ma-na-đỏa.

Đó là pháp tương ứng với sáu đêm.

Pháp tương ứng với bảy đêm là: Bơ, dầu, mỡ, sữa sống, mật, đường tán, đường phèn, vì bệnh được chữa trong bảy ngày. Đến ngày thứ tám khi mặt trời mọc thì không được chữa nữa.

Tỳ-kheo nào trong khi an cư mùa hạ, nếu vì Phật, Pháp, Tăng, tháp, bệnh, hoặc vì nhiều việc như vậy mà thọ pháp bảy đêm thì đến đêm thứ bảy phải trở về (nếu để đến ngày thứ tám thì mất an cư).

Tôn giả Tát-bà-đa nói:

- Tỳ-kheo nào nhận y chỉ xong, xin ra bên ngoài cương giới trong bảy ngày và khi đã đủ bảy ngày liền trở về đến chùa thì không mất y chỉ.

Đó là pháp tương ứng với bảy đêm.

